

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 1669/2007/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ
ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã; Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XI, kỳ họp thứ 8 về bổ sung và điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính Thái Nguyên tại Tờ trình số 1416/TTr-STC ngày 13/8/2007 về việc chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Hộ kinh doanh cá thể: 30.000 đồng/1 lần cấp;

+ Hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh: 100.000 đồng/1 lần cấp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước: 200.000 đồng/1 lần cấp;

+ Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp: 20.000 đồng/1 lần (chứng nhận hoặc thay đổi);

+ Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 2.000 đồng/1 bản.

b) Mức thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: 10.000 đồng/01 lần cung cấp.

Điều 2. Đối tượng thu, nộp lệ phí:

a) Đối tượng nộp lệ phí: Là hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin, khi được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh.

b) Đối tượng miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Miễn đối với doanh nghiệp cổ phần hóa khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần; không thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Cơ quan, đơn vị thu lệ phí đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

Điều 3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

a) Cơ quan, đơn vị thu lệ phí được trích 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu phí để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí theo chế độ qui định;

Số phí trích để lại được chi một số nội dung sau:

+ Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

+ Chi phí mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí;

+ Chi làm thêm giờ theo chế độ (Nếu có).

b) Số còn lại (75%) cơ quan, đơn vị thu lệ phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các qui định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 4. Khen thưởng và xử lý vi phạm:

a) Khen thưởng:

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thu lệ phí được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Xử lý vi phạm:

Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định này và các quy định tại Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí, và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP, sẽ tùy theo mức độ vi phạm xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Sông Công, thành phố Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Kim